

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/01/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Số: 080823.008/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 08 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 08 - "Hàng tồn kho" phần thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, theo đó các chi phí của Ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang được Công ty theo dõi ở chỉ tiêu Hàng tồn kho với số tiền 7,085 tỷ VND theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước tại Biên bản kiểm toán ngày 28 tháng 05 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		226.108.345.938	406.386.016.649
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.606.990.141	20.917.908.231
111	1. Tiền		9.456.990.141	20.917.908.231
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.150.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	91.310.000.000	80.970.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		91.310.000.000	80.970.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.001.220.320	283.744.784.464
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	70.536.435.679	281.130.285.313
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.051.900.249	24.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.412.884.392	2.590.499.151
140	IV. Hàng tồn kho	8	12.599.277.212	20.753.323.954
141	1. Hàng tồn kho		12.599.277.212	20.753.323.954
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.590.858.265	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		11.590.858.265	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.484.299.688	39.669.290.882
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.860.000	32.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	37.860.000	32.860.000
220	II. Tài sản cố định		10.439.590.076	11.566.851.461
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.439.590.076	11.566.851.461
222	- Nguyên giá		87.315.793.715	86.061.539.988
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.876.203.639)	(74.494.688.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.966.849.612	23.029.579.421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	22.966.849.612	23.029.579.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		264.592.645.626	446.055.307.531

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		84.897.890.297	256.755.507.221
310	I. Nợ ngắn hạn		84.897.890.297	256.755.507.221
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	24.364.235.562	192.408.254.272
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.691.905.006	5.635.537.036
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.754.282.167	4.009.999.109
314	4. Phải trả người lao động		26.912.835.159	36.790.748.202
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.147.004.000	3.227.705.812
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		36.818.182	36.818.183
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	18.167.746.426	13.675.870.284
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.823.063.795	970.574.323
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		179.694.755.329	189.299.800.310
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	179.694.755.329	189.299.800.310
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.007.760.753	18.612.805.734
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.826.262	142.908.378
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.938.934.491	18.469.897.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		264.592.645.626	446.055.307.531

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	122.599.081.035	94.001.139.080
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.599.081.035	94.001.139.080
11	4. Giá vốn hàng bán	20	94.390.679.430	71.599.412.021
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.208.401.605	22.401.727.059
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.816.621.391	2.221.283.219
22	7. Chi phí tài chính		21.665.145	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	20.053.403.127	17.697.235.925
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.949.954.724	6.925.774.353
31	11. Thu nhập khác	23	271.707.240	334.419.459
32	12. Chi phí khác		6.588.680	42.077.721
40	13. Lợi nhuận khác		265.118.560	292.341.738
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.215.073.284	7.218.116.091
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.276.138.793	1.487.642.102
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.938.934.491</u>	<u>5.730.473.989</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	477	306

gmrth

[Signature]



[Signature]

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.215.073.284	7.218.116.091
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.381.515.112	3.167.233.159
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.811.550.901)	(2.234.260.923)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.785.037.495	8.151.088.327
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		181.139.520.810	63.301.371.225
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.154.046.742	(2.764.398.415)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(186.076.659.616)	(12.807.121.039)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		62.729.809	581.090.557
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.723.110.573)	(2.841.457.488)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.841.490.000)	(3.346.298.593)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.500.074.667	50.274.274.574
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.254.253.727)	(452.010.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	12.977.704
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(96.140.000.000)	(86.050.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		85.800.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.819.735.970	1.704.915.685
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.774.517.757)	(84.784.116.611)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.475.000)	(12.400.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.475.000)	(12.400.300)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.310.918.090)	(34.522.242.337)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.917.908.231	87.271.432.992
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>19.606.990.141</u>	<u>52.749.190.655</u>

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lậpLê Đình Thái
Kế toán trưởngVũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 150.000.000.000 VND; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 446 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 438 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phân thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư máy móc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Đại lý kinh doanh viễn thông;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 06 tháng đầu năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng và bàn giao hoàn trả lô vật tư MXL2 giữa 3 bên là Công ty, General Electric Global Parts and Products GmbH ("Công ty GE") và Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch ("Công ty NT1") với giá trị vật tư hoàn trả cho Công ty GE là 172.412.403.766 VND. Theo đó, giá trị công nợ phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch và Phải trả Công ty GE giảm đi với số tiền tương ứng (chi tiết tại Thuyết minh 5 và Thuyết minh 12).

Ngoài ra, do trong 06 tháng đầu năm 2023, giá trị nghiệm thu của các hợp đồng đã ký kết tăng thêm dẫn đến doanh thu tăng hơn 28,5 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 30,4%) và lợi nhuận gộp tăng hơn 5,8 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 25,9%) so với cùng kỳ năm trước

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 2 đến 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	397.860.970	232.012.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.059.129.171	20.685.895.546
Các khoản tương đương tiền	10.150.000.000	-
	<u>19.606.990.141</u>	<u>20.917.908.231</u>

Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có tổng giá trị 10.150.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,3 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	91.310.000.000	-	80.970.000.000	-
	91.310.000.000	-	80.970.000.000	-

Tại ngày 30/06/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng có giá trị 91.310.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 8,3%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 5.170.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam với lãi suất 5,0%/năm đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	CNTT, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 VND/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	62.902.808.631	-	275.868.535.823	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	7.369.616.001	-	199.964.530.679	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.428.086.566	-	11.220.303.173	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	20.413.632.724	-	7.150.247.421	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	-	44.991.694.810	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	22.062.857.767	-	10.155.894.704	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	-	1.890.673.600	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	-	495.191.436	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	1.628.615.573	-	-	-
<i>Bên khác</i>	7.633.627.048	-	5.261.749.490	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.698.354.670	-	-	-
Các khách hàng khác	5.935.272.378	-	5.261.749.490	-
	70.536.435.679	-	281.130.285.313	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Unicom	697.813.600	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	354.086.649	-	24.000.000	-
	1.051.900.249	-	24.000.000	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>a1) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	403.200.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi	1.597.994.520	-	1.202.979.589	-
Tạm ứng	1.639.658.000	-	146.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Phải thu theo hợp đồng (*)	15.440.006.199	-	-	-
Phải thu khác	587.777.798	-	690.871.687	-
	19.412.884.392	-	2.590.499.151	-
<i>a2) Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	-	403.200.000	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (*)	12.006.338.317	-	-	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	3.433.667.882	-	-	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	342.292.259	-	-	-
<i>Bên khác</i>				
Đối tượng khác	3.630.585.934	-	2.187.299.151	-
	19.412.884.392	-	2.590.499.151	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(*) Đây là các khoản tạm ghi nhận doanh thu đối với các hợp đồng bảo dưỡng nhà máy điện mà công ty đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng trong kỳ căn cứ khối lượng công việc đã thực hiện và hợp đồng ký kết với các nhà máy điện. Các hợp đồng bảo dưỡng nhà máy điện này Công ty đã được người mua ứng trước một phần giá trị hợp đồng với tổng số tiền tại 30/06/2023 là 5.323.906.877 VND (Xem thông tin tại Thuyết minh số 13 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn).

b) Dài hạn

b1) Chi tiết theo nội dung

Phải thu khác	37.860.000	-	32.860.000	-
	<u>37.860.000</u>	<u>-</u>	<u>32.860.000</u>	<u>-</u>

b2) Chi tiết theo đối tượng

Đối tượng khác	37.860.000	-	32.860.000	-
	<u>37.860.000</u>	<u>-</u>	<u>32.860.000</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	225.768.805	-	85.732.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.373.508.407	-	20.667.591.262	-
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	7.085.595.424	-	7.085.595.424	-
- Dự án đại tu hệ thống lò hơi tổ máy 01 Vũng Áng	-	-	4.910.468.707	-
- Các dự án khác	5.287.912.983	-	8.671.527.131	-
	<u>12.599.277.212</u>	<u>-</u>	<u>20.753.323.954</u>	<u>-</u>

(*) Phần chi phí phát sinh của ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 đã được Công ty thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước theo Biên bản Kiểm toán tại Công ty ngày 28 tháng 05 năm 2020. Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ quyết toán chi phí của ban chuẩn bị sản xuất dự án này khi tham gia đấu thầu dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 khi nhà máy này đi vào vận hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.334.200.000	42.905.309.474	18.312.916.364	23.509.114.150	86.061.539.988
- Mua trong kỳ	-	84.620.000	1.169.633.727	-	1.254.253.727
Số dư cuối kỳ	1.334.200.000	42.989.929.474	19.482.550.091	23.509.114.150	87.315.793.715
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.299.319.881	33.756.052.567	16.931.094.847	22.508.221.232	74.494.688.527
- Khấu hao trong kỳ	28.794.039	1.009.969.620	909.911.519	432.839.934	2.381.515.112
Số dư cuối kỳ	1.328.113.920	34.766.022.187	17.841.006.366	22.941.061.166	76.876.203.639
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	34.880.119	9.149.256.907	1.381.821.517	1.000.892.918	11.566.851.461
Tại ngày cuối kỳ	6.086.080	8.223.907.287	1.641.543.725	568.052.984	10.439.590.076

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.763.546.201 VND.

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2023 là 2.288.155.290 VND, khấu hao trong kỳ là 0 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.288.155.290 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	21.922.231.521	22.236.153.693
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.044.618.091	793.425.728
	22.966.849.612	23.029.579.421

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch	17.253.132.080	17.253.132.080	-	-
<i>Bên khác</i>				
General Electric Global Parts and Products GMBH	-	-	192.408.254.272	192.408.254.272
Công ty TNHH GE Power Việt Nam	1.040.333.265	1.040.333.265	7.779.779.455	7.779.779.455
Đối tượng khác	6.070.770.217	6.070.770.217	11.297.453.971	11.297.453.971
	24.364.235.562	24.364.235.562	192.408.254.272	192.408.254.272

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	1.773.436.718	1.773.436.718
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	1.749.171.242	1.749.171.242
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	3.064.890.727	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch	2.259.016.150	-
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	224.919.101	-
<i>Bên khác</i>		
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Đối tượng khác	428.272.484	920.730.492
	10.691.905.006	5.635.537.036

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	801.683.657	3.556.862.426	4.071.927.110	-	286.618.973						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.728.035.126	2.276.138.793	3.723.110.573	-	1.281.063.346						
Thuế Thu nhập cá nhân	-	480.280.326	1.238.438.761	1.532.119.239	-	186.599.848						
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-						
	-	4.009.999.109	7.076.439.980	9.332.156.922	-	1.754.282.167						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	-	221.000.000
- Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	-	926.887.500
- Chi phí nghỉ mát	1.147.004.000	-
- Chi phí đồng phục	-	1.054.800.000
- Chi phí phải trả khác	-	1.025.018.312
	1.147.004.000	3.227.705.812

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	268.993.527	276.285.453
- Bảo hiểm xã hội	247.450.640	327.088.487
- Bảo hiểm y tế	93.341.744	113.799.991
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.539.975
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.696.243.286	882.718.286
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	910.821.000	10.537.457.519
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	900.646.229	1.478.730.573
	18.167.746.426	13.675.870.284
b) Chi tiết theo đối tượng		
<i>Bên liên quan</i>		
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	7.573.500.000	-
- YTL Power Service Sdn. Bhd.	2.673.000.000	-
<i>Bên khác</i>		
- Các khoản phải trả của Chi nhánh Công ty tại Hà Tĩnh	910.821.000	10.537.457.519
- Các đối tượng khác	7.010.425.426	3.138.412.765
	18.167.746.426	13.675.870.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	150.000.000.000	20.686.994.576	16.900.497.390	187.587.491.966
Lãi trong kỳ trước	-	-	18.469.897.356	18.469.897.356
Phân phối lợi nhuận	-	-	(16.757.589.012)	(16.757.589.012)
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310
Số dư đầu kỳ này	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310
Lãi trong kỳ này	-	-	8.938.934.491	8.938.934.491
Phân phối lợi nhuận	-	-	(18.543.979.472)	(18.543.979.472)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	20.686.994.576	9.007.760.753	179.694.755.329

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 86/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 20/04/2023 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.693.979.472
Chi trả cổ tức (bằng 9,9% vốn điều lệ) (*)	14.850.000.000

(*) Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa chốt danh sách chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	51,00%
YTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	31,00%
	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	882.718.286	735.222.516
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	14.850.000.000	13.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	14.850.000.000	13.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(36.475.000)	(12.400.300)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<u>(36.475.000)</u>	<u>(12.400.300)</u>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>15.696.243.286</u>	<u>14.222.822.216</u>
d) Cổ phiếu		
	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vintech để thuê 160 m2 tầng 7 Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 03 năm kể từ ngày 10/11/2022 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	241,06	993,70

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.599.081.035	94.001.139.080
	122.599.081.035	94.001.139.080
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)	100.962.733.959	74.374.735.028

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	94.390.679.430	71.599.412.021
	94.390.679.430	71.599.412.021
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)	612.546.170	616.272.421

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.811.550.901	2.221.283.219
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.070.490	-
	2.816.621.391	2.221.283.219

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	923.693.121	869.017.340
Chi phí nhân công	13.364.746.544	12.159.871.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.220.289	429.865.304
Thuế, phí, lệ phí	78.417.548	65.056.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.129.027.055	2.480.781.126
Chi phí khác bằng tiền	2.261.298.570	1.692.644.053
	20.053.403.127	17.697.235.925

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

23 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	12.977.704
Thu nhập từ xử lý công nợ	256.265.186	-
Thu nhập khác	15.442.054	321.441.755
	271.707.240	334.419.459

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.215.073.284	7.218.116.091
Các khoản điều chỉnh tăng	165.620.680	165.014.421
- Chi phí không hợp lệ	165.620.680	165.014.421
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.244.934)	(633.861.916)
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước	(40.244.934)	(633.861.916)
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.340.449.030	6.749.268.596
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.268.089.806	1.349.853.719
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	8.048.987	137.788.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.728.035.126	2.189.250.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.723.110.573)	(2.841.457.488)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.281.063.346	835.435.197

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.938.934.491	5.730.473.989
Các khoản điều chỉnh:	(1.787.786.898)	(1.146.094.798)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	(1.787.786.898)	(1.146.094.798)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.151.147.593	4.584.379.191
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	477	306

(*) Căn cứ theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 04 năm 2023, Công ty dự định sẽ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 bằng 20% lợi nhuận sau thuế.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.608.286.466	3.005.713.407
Chi phí nhân công	68.341.972.560	64.339.898.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.381.515.112	3.167.233.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.110.472.647	6.630.936.558
Chi phí khác bằng tiền	17.707.752.917	14.770.171.806
	106.149.999.702	91.913.953.561

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HDQT, người đại diện vốn của PPS tại PAI)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.962.733.959	74.374.735.028
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	29.037.645.442	24.028.901.434
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	6.885.716.937	8.331.382.567
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	21.829.706.030	21.347.644.826
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	20.778.339.210	20.666.806.201
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	19.877.403.819	-
BQL Dự án điện Sông Hậu 1	434.714.727	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	2.119.207.794	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mua hàng hóa dịch vụ	612.546.170	616.272.421
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	565.760.002	543.615.624
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	46.786.168	72.656.797
Trả cổ tức cho cổ đông	36.475.000	12.400.300
Các cổ đông của Công ty	36.475.000	12.400.300

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
	2023	2022	
	VND	VND	
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	366.495.564	331.612.629
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên kiêm Giám đốc	366.495.564	331.612.629
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên (1)	15.000.000	10.000.000
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên (2)	58.338.522	-
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên (4)	30.000.000	10.000.000
Ông Vũ Huy An	Ủy viên (4)	30.000.000	10.000.000
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên (3)	-	12.000.000
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên (3)	-	12.000.000
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên (3)	-	12.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	292.381.601	257.640.667
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	290.743.706	244.792.339
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc (4)	290.832.146	4.052.345
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc (2)	266.891.649	-
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc (3)	-	80.977.166
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS (1)	203.250.234	226.139.970
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS (2)	24.000.000	14.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS (2)	9.000.000	-
Bà Nghiêm Thị Phương	Thành viên BKS	18.000.000	6.000.000
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên BKS (3)	-	8.000.000

Chú thích:

- (1) Miễn nhiệm trong kỳ này
- (2) Bổ nhiệm trong kỳ này
- (3) Miễn nhiệm trong kỳ trước
- (4) Bổ nhiệm trong kỳ trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

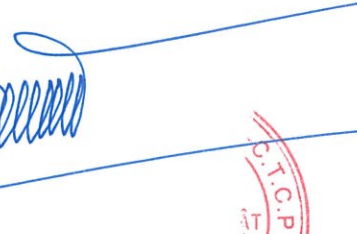
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc



Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

